

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/7/2020

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con giữa anh T và chị H”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

*Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương
Ông Mai Thanh Chúc.*

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2020 về tranh chấp *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HN, ngày 02/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp B, xã HMD, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp CGB, xã HMD, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Con chung của anh T và chị H tên: Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị H qua mai mối và tìm hiểu đến năm 2002 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM (Nay là xã HMT), huyện C N, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống anh và chị H có 01 con chung

tên Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 hiện đang sống với chị H, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân 15 năm nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị H.

- **Về con chung tên:** Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 hiện chị H đang nuôi dưỡng anh đồng ý để cho chị H tiếp tục nuôi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh T không tranh chấp, không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Anh T không tranh chấp, không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về số nợ phải thu, phải trả:** Anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Dương Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay cháu Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 Vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị H, về con chung tên Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 đang sống chung với chị H và theo nguyện vọng của cháu Y tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2020 cháu Y có nguyện vọng được sống chung với chị H nên giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về số nợ phải thu phải trả anh T và chị H không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trỗi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Dương Thị H đang sinh sống và làm việc trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của anh Trần Văn T khởi kiện xin ly hôn với chị Dương Thị H và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Dương Thị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh T và chị H tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh T và chị H đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2020 chị H thống nhất quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như anh T khởi kiện là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng anh T tự ý bỏ đi không lo lắng cho vợ, con đã mười mấy năm nay không về thăm gia đình. Nay anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn, về con chung tên Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2020 của cháu Trần Thị Y có nguyện vọng được sống chung với chị H, về tài sản chung chị không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung chị không yêu cầu. Tòa án đã hòa giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đến và tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt lần thứ hai, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin được ly hôn với chị H là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T và chị H được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 là con của anh T và chị H, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu Y sống với chị H, được chị H nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu Y được sống với chị H. Tại phiên tòa anh T đồng ý để chị H được quyền nuôi dưỡng con chung, để cháu Y có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 cho chị H được quyền trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh T và chị H không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T và chị H không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T và chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T và chị Dương Thị H được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Dương Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Thị Y, sinh ngày 28/3/2003 sau khi ly hôn.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh T không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0007028 ngày 27/02/2020 do anh T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H M T,
- huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh